



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Ha noi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 87.2023 /QĐ-VPCNCL ngày 14 tháng 02 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ *in Vietnamese*: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH & CHỨNG NHẬN HÀNG HÓA VIỆT NAM (VCC&C)

Tiếng Anh/ *in English*: VIETNAM COMMODITY CONTROL & CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY (VCC&C)

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 040 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ Business registration address:

1G Đinh Bộ Lĩnh - Phường 15 - Quận Bình Thạnh – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam/ *1G Dinh Bo Linh, ward 15, Binh Thanh district, Ho Chi Minh City*

Địa chỉ văn phòng/ Office address:

21 Cao Xuân Huy, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk/ *21 Cao Xuan Huy, Buon Ma Thuot city, Dak Lak province*

Tel: +84 28 38271444/38271555 Email: info@vccc.com.vn Website: <https://vccc.com.vn/>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

NGÀY BAN HÀNH/ Issue date

Ngày 14 tháng 02 năm 2023

Dated 14th February, 2023



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Ha noi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 6 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 6 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các quá trình sau / *Product certification in accordance with scheme type 6 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to scheme type 6 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following processes:*

Stt No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Tiêu chuẩn chứng nhận <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>
1	Cà phê, cacao, chè, tiêu, chuối, dừa, các loại hoa cắt cành, trái cây, thảo mộc, gia vị, các loại hạt, rau xanh <i>Coffee, cocoa, tea, pepper, banana, coconut, flowers, fruits, herbs, spices, nuts, vegetables</i>	Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững của Rainforest Alliance: Các yêu cầu đối với trang trại, phiên bản 1.2 <i>Rainforest Alliance sustainable agriculture standard: Farm requirements, version 1.2</i> Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững của Rainforest Alliance: Các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng, phiên bản 1.2 <i>Rainforest Alliance sustainable agriculture standard: Supply chain requirements, version 1.2</i>	Quy định đánh giá và chứng nhận của của Rainforest Alliance, phiên bản 1.2 <i>Rainforest Alliance certification and auditing rules, version 1.2</i>

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 11 tháng 12 năm 2025

This Accreditation Schedule is effective until 11th December, 2025